

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ

**TRÀNG HẠT DỊCH LÝ**  
NHẤT PHẦN LƯƠNG HỢP

GS . TRẦN VĂN RẠNG  
GAO HỌC SỬ

GIÁO LÝ TÙNG THU  
ẤT MÃO



LA TRÈS VÉNÉRABLE SŒUR LAM-HUONG-THANH  
(reincarnée en 1927)  
Première Dignitaire-dame ayant le titre de Dau-Su (Cardinale)  
Supérieure du Collège féminin  
en grande tenue de cérémonie

## LỜI DẪN

Vào mùa xuân Canh Dần (1950), từ Biên Hòa tôi về Đất Thánh viếng an Sư Phụ. Trong cuộc mạn đàm, Đức Hộ Pháp đã dạy :

Các con nên lưu ý, Đền Thánh và các kiến trúc trong hay ngoài đều tiềm ẩn Dịch Lý. Các con đã thấy rõ ba Tịnh Thất có tên :

- THIÊN hỉ động – Trí Huệ Cung
- NHÂN hòa động – Vạn Pháp Cung
- ĐỊA linh động – Trí Giác Cung

Người đứng giữa Trời Đất gọi là Trung Thiên, nên giáo lý Cao Đài chủ về Nhân Đạo để cứu đời là vậy.

Ở ngoài Miền Trung, chi Minh Sư của Đạo sĩ Trần Cao Vân (1866-1916). Trong kinh nhật tụng có hai câu :

Con cầu Phật Tổ Như Lai,

Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông.

Vì đó ông nghiên cứu Trung Thiên Dịch, nhưng phải bỏ dở vì theo phò vua Duy Tân chống thực dân nên bị Pháp bắt và hành hình (1916). Ông còn để lại bài.

## VỊNH TAM TÀI

Trời Đất sinh ta có ý không,  
Chưa sinh Trời Đất có ta trong,  
Ta cùng Trời Đất ba ngôi sánh  
Trời Đất in ta một chữ đồng.  
Trời nứt ra ta, Trời chuyển động,  
Ta thay Trời mở Đất mênh mông.  
Trời che Đất chở ta thông thả  
Trời, Đất, Ta đây đủ hóa công.

Đúng chín năm sau, các Đấng giảng dạy về  
Bát Quái Cao Đài mà Thầy đã vẽ lại nơi Bát Quái Đài.

Lời vàng tiếng ngọc của Sư Phụ như còn  
vang vọng đâu đây, như khuyến khích đồng đạo tiếp tục  
xiển dương Trung Thiên Dịch Lý. Tôi mạo muội viết tập  
"Nguồn Việt Tộc", giải thích các phủ từ theo Kinh Dịch  
mà chưa thể đi sâu vào đặc trưng hình thể Đạo. May  
thay được vị Hiền Tài Trưởng Nhiệm giáo lý hưởng ứng  
"Lý giải quả Càn Khôn". Thật là một diễm phúc vậy.

Thánh địa, xuân Nhâm Tý (1972)

Hiền tài VÕ HIẾU NGHĨA  
(Chương phủ Võ Phủ Từ)

## LỜI TỰA

Tứ tượng của Đạo Cao Đài đặt trong nền tảng  
Kinh Dịch, mới nghe có người không khỏi ngạc nhiên,  
từ trước Đức Chí Tôn đã dạy : "Thầy bày ra trước  
mắt, tại các con không tìm hiểu". Mặt khác, ai cũng  
nghe : Tòa Thánh là Bạch Ngọc Kinh tại thế, nghe  
vậy để lòng vậy. Đâu nghĩ rằng những cột rồng  
tượng trưng cho Dịch Lý, các danh từ Bát Quái,  
Hiệp Thiên, Cửu Trùng... đều là những chữ nằm  
trong Kinh Dịch. Đức Chí Tôn đã dạy một câu ý  
trong Kinh Dịch : "Thái Cực phân lưỡng nghi, lưỡng  
nghi sinh ra tứ tượng, tứ tượng biến Bát Quái, Bát  
Quái biến hóa vô cùng" (Thánh ngôn Hiệp thiên II  
- TNHT, trang 62)

Thế thì, Đạo Cao Đài áp dụng Kinh Dịch từ lúc  
nào và Dịch của ai ?

Từ thời Tiên Khai Đại Đạo như Thánh Ngôn  
đã dẫn trên. "Khi Càn Khôn vừa thành hình thì có  
Dịch ngay trong đó" (Càn Khôn thành liệt nhị Dịch  
lập hồ ký trung hĩ và áp dụng Kinh Dịch do chính  
Đức Khổng Tử soạn định và viết Thập Dục vì trong  
Ngũ Kinh thì Đạo Cao Đài chọn kinh Xuân Thu làm  
cổ pháp, Kinh Dịch làm bí pháp, Kinh Lễ làm thứ  
pháp còn như kinh hòa. Thế nên giáo sĩ thành người

đó là Đức Khổng Tử. Ta tìm Đạo ở Phu Tử, chịu cái ơn bao la ở Ngài. Ta nhận Ngài là bậc Thánh Nhân có công với hậu học, nêu danh mãi trời đất. Cho nên nói : "Dịch đến Văn Vương thì được tu sửa, đến Phu Tử thì được rạng rỡ" (Lý Quý, Tân Khế Dịch thuyết, quyển J, trang 8).

Thật vậy, "Kinh Dịch là bộ sách rộng lớn, hết thấy đều đầy đủ, trong đó : có Đạo Trời, có Đạo Người, có Đạo Đất". (Dịch chi vi thư dã, quảng đạo tất bi : hữu Thiên Đạo yên, hữu Nhân Đạo yên - Dịch Hệ Ho, chương X)

Như thế nghiên cứu Dịch, Tiên Thiên Bát Quái, chủ yếu là cái học Tiên Thiên Tam Pháp (Đạo Tâm)... Mọi vật phát khởi từ tâm ra. Cái Pháp ấy, cái Tâm ấy của Tam Tài (Thiên Địa Nhơn) thực chỉ là một (Thái cực) mà thôi" (THIỆU UNG, Hoàng Cực Kinh Thế, quyển 7 thượng, trang 4 và 34). Thế nên việc đặt tư tưởng của Đạo Cao Đài trong Kinh Dịch là do tiên khởi, do Ôn Trên tạo cái bí pháp cho toàn Đạo. Bởi vì, Kinh Dịch từ lâu đã được coi như một Thánh kinh Bible của Thiên Chúa Giáo hay Kinh Coran của Hồi Giáo. (CHARLES DE HARLES, Le Livre des mutations, Paris 1959, trang 5).

Song Kinh Dịch do đâu mà có ? "Nếu nói Dịch thì Dịch khởi thủy từ CÀN KHỐN mà Càn là thủy tổ của Khôn. Nếu nói vật thì muôn vật khởi từ Khôn (Mẹ) mà Khôn lại có gốc ở Càn (Cha), Càn chính là nguồn gốc vĩ đại đầu tiên vậy". (Chu Dịch Bản Nghĩa, chương X). Trong Đạo Cao Đài thờ QUẢ CÀN KHỐN tượng trưng cho Lý Thái Cực mà Dịch cùng khởi thủy từ Càn Khôn. Vậy cả hai cùng một gốc. Nói về thể pháp, việc thờ phượng của Đạo Cao Đài có nguồn từ Kinh Dịch.

Mặt khác, thờ Thiên Nhân là thờ đáng duy nhất, con số 1 Dịch Kinh viết : "Nhất vạn hóa chi căn" (số 1 là số căn của vạn hóa). Thế nên, thần học Cao Đài là "nhất nguyên luận" (Dưới thiên bàn bát giác tại Tòa Thánh đã ghi rõ câu đó).

Nhất nguyên luận tượng trưng ở quả THÁI : âm dương hòa hợp, thiên địa tương giao, thuộc thời đại hoàng kim. Sự xuất hiện của Đạo Cao Đài trong thời hạ nguyên tam chuyển (Mạt pháp) để tiến lên thời thượng nguyên tứ chuyển (Thánh đức hoàng kim), đưa con người trở về địa nguyên (paradisere trouve) phục kỹ bản, phản kỹ chân "phục kỹ bản, phản kỹ chân" phục hồi cái tâm nhất nguyên như thuở ban đầu. Phần bốn hạ nguyên là một nguyên thiên đĩnh theo kinh dịch (xem thờ thiên), còn tư theo pháp thần

thông có hành động lạ thường, tâm địa phi đại bản ngã là nhị nguyên, lòng còn phân biệt tâm vật, mà Đạo Cao Đài thì chủ trương tâm vật bình hành, đạo đời tương đắc.

Đạo là quân bình tĩnh, tuy "vô vi mà dịch sử quân linh". Đó là Thái Cực, biểu tượng bằng con số 1. Đức là quân bình động, biểu tượng con số 5 ở trung cung Bát Quái. Đó là cái động trong cái tĩnh, âm dương điều hòa theo tỷ lệ 3/2 (số tham thiên lưỡng địa). Đã nói ta áp dụng Kinh Dịch do Đức Khổng Tử san định mà bậc thầy chỉ dạy cho các tín hữu Cao Đài là Đức Chí Tôn, gần hơn là Đức Thanh Sơn Đạo sĩ Nguyễn Bình Khiêm. Đức TSDS đã am tường sâu sắc Kinh Dịch qua tác phẩm Hoàng Cực Kinh Thế. Trước Đền thờ Ngài có câu đối:

"Lý học thâm uyên trình tiên giác".

Trong Sấm ký Trọng Trình in năm 1948 có bài kệ 4 câu:

Cửu cửu cần khôn dĩ định  
Thanh minh thời tiết hoa tàn.  
Trực đạo dương đầu mã vĩ  
Hộ bình bát vạn nhập Trùng An.

Trời đất định rằng chín lần chín 81 năm, vào tiết thanh minh sức dịch đã tàn. Đến đầu năm đó và đầu năm ngựa (1954) tám vạn binh Cụ Hồ tiến vào

kinh đô. Về Đạo Cao Đài, Đức TSDS đã tiên tri về tên P.Pasquier toàn quyền Đông Dương vì diệt đạo nên bị chết thảm bằng máy bay trên mây như sau:

Cửa năm hai bảy, mười ba

Lửa đầu mà đốt "tám gà" trên mây

Tám gà là bát kê ám chỉ toàn quyền P.Pasquier, ta có thể đặt mối tương quan giữa giáo lý Cao Đài và học thuyết Kinh Dịch đối chiếu như sau:

-Việc tôn thờ quả Càn Khôn và thuyết âm dương cơ ngẫu trong Kinh Dịch.

"Thầy là các con, các con là Thầy" trong Thánh ngôn HT và thuyết Thiên Nhơn hợp nhất "Thiên địa vạn vật đồng nhất thể" trong Kinh Dịch.

-Lê biến hóa "Tam khai thất ức niên" của TNHT và học thuyết "Sinh sinh chi vị Dịch" trong Kinh Dịch.

-Kiến trúc Tòa Thánh Tây Ninh đủ 4 đức: Nguyễn, Hanh, Lợi, Trinh của quả Càn trong Kinh Dịch. Long Mã Kỳ Hà Đồ của Đạo CD là một ảnh hưởng hiển nhiên không cần biện giải. Tóm lại "Thầy Khai Bát Quái (Cao Đài) để tác thành Càn Khôn thế giới". Thật vậy, Đạo Cao Đài lấy Càn Khôn làm đầu vì trời đất là nguyên tố của vạn vật và nguồn

gốc của âm dương. Muốn vật trong vũ trụ đều từ Càn Khôn mà phát sinh.

Đức Chí Tôn dạy : "Tòa Thánh dạy mặt vào hướng Tây (cung Đoài). Ấy là cung Đạo. Bên tay trái Thầy là cung Càn, tay mặt Thầy là cung Khôn (trong Bát Quái Đài nhìn ra)". (Tân Luật, PCT, Paris Gasnier 1952, trg 71). Khi khai tịch Đạo Nam phái Thầy cũng dạy : "Thanh Đạo tam khai thất ức niên". Đạo mở kỳ ba thọ bảy trăm ngàn năm, còn có nghĩa là "Tam dương khai thái" : ba dương (càn) mở vận thịnh vui, tức ba dương thì sinh ra quẻ Thái (☰☷) là thông suốt, quẻ Thái chủ tháng 1, vía Chí Tôn, gồm Càn (☰) dưới, khôn (☷) trên, biểu tượng thịnh vượng an lạc. Càn ba (☰) + khôn sáu (☷) là chín tức Cửu Thiên (9 tầng trời). Vậy thờ Quả Càn Khôn là thờ Đấng Cửu Thiên Khai Hóa. Như thế, Kinh Dịch có trước hay Đạo thờ Càn Khôn có trước ? Hãy nghe Đức Chí Tôn dạy : "Có Thầy rồi mới có các con, không có Thầy thì không có chi trong vũ trụ". Thầy lại dạy : "Có các con, mới có Thần, Thánh, Tiên, Phật". Vậy Phục Hi hay Văn Vương hay Khổng Tử cũng chỉ là ông Thần, ông Tiên. Người nào hỏi vậy là chẳng hành thông nên Đại Đạo mà Đạo Cao Đài, chỉ là cái tên để gọi trong kỳ họ Phục Đạ. Thật ra, nên Đại Đạo đã có

truyền thống từ xa xưa mà Đạo Cao Đài tiếp nối làm sống lại thời Thánh Đức thịnh an. Giống như Nho giáo có trước khi Trọng Ni ra đời.

Khổng Tử chỉ là vị Thánh phục hưng Nho giáo nên Đạo Ngài có tên mới là Khổng Giáo.

Mùa Đại Lễ Chí Tôn  
TVR.

## CHƯƠNG MỞ ĐẦU NHẬP MÔN DỊCH HỌC

*Càn vi thiên, Khôn vi địa, Chấn vi lôi, Tốn vi phong, Khảm vi thủy, Ly vi hỏa, Cấn vi sơn, Đoài vi trạch.*

### THUYẾT QUÁI TRUYỀN

#### I/- LUẬT DỊCH HỌC :

##### 1/- Quẻ :

Quẻ có hai loại : quẻ đơn có 8 quẻ : Càn, Khảm, Chấn, Cấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài. Mỗi quẻ có ba vạch ngang.

Quẻ kép do hai quẻ đơn chồng lên nhau luân phiên và thứ tự tạo thành 64 quẻ kép như Hàm, Hằng... Mỗi quẻ có 6 vạch ngang.

##### 2/- Hào :

Hào là vạch ngang của quẻ kép, có 6 hào kể từ dưới lên trên. Dưới thấp là hào Đầu (sơ), rồi Hai, Ba, Tư, Năm, cuối cùng là hào Trên (Thượng)

Hào chia làm hai thứ : những hào có vạch ngang liền gọi là hào Dương (hay Cửu), những hào có vạch ngang đứt, gọi là hào Âm (hay Lục).

Ví dụ quẻ Chuẩn, hào Đầu gọi là Sơ Cửu, hào hai gọi là Lục Nhị (sáu hai).

##### 3/- Tính của các quẻ, các hào :

Tám quẻ đơn mỗi quẻ đều có tính riêng như Càn thì mạnh, Khảm thì thuận, Chấn thì động, Tốn thì lay, Cấn thì đậu, Đoài thì đẹp, Ly thì sáng, Khảm thì đầy.

Tính các hào : hào dương cứng mạnh, đi lên; hào Âm mềm yếu, đi xuống.

##### 4/- Tượng của các quẻ và các hào :

Tám quẻ đơn tượng trưng cho mọi vật trong vũ trụ. Mỗi quẻ biểu hiện cho nhiều vật. Ví dụ : Càn là Trời, là tượng con rồng, Khôn là Đất, là tượng con trâu, Chấn là sấm, là tượng cái cây, Khảm là nước, tượng là mây mưa. Tốn là gió, Ly là lửa v.v...

Các hào không có tượng riêng vì không hình dung riêng cho vật gì.

##### 5/- Ngôi vị các hào :

Mỗi quẻ 6 hào, tức có 6 ngôi. Hào Đầu là ngôi thứ dân, hào Hai là ngôi tư mục, hào Ba là ngôi đại phu, hào Tư là ngôi đại thần, hào Năm là ngôi vua chúa, hào Trên là ngôi lão thành.

#### II/- BA BÁT QUÁI :

##### 1/- Phân biệt ba bát quái :

Ba vạch ngang của bát quái tượng trưng cho tam tài : Thiên, Địa, Nhơn. Ba bát quái trong vũ trụ cũng vậy.

Thứ tự BQ	Tam tài	Thuộc tính BQ	Thời đại BQ
Đệ nhất BQ	Thiên	BQ Phục Hy (Xoay cả 2 chiều)	Tiên Thiên BQ
Đệ nhị BQ	Địa	BQ Văn Vương (Xoay qua phải)	Hậu Thiên BQ
Đệ tam BQ	Nhân	BQ Cao Đài (Xoay qua trái)	Trung Thiên BQ

### 2/- Đặc điểm của Bát Quái Cao Đài :

#### 1/- Dương nghi âm nghi :

Phần bên trái thuộc dương (nam) gồm các quẻ : Càn, Khảm, Cấn, Chấn. Phần bên phải thuộc âm (nữ) gồm các quẻ : Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

Muốn biết quẻ dương hay âm, ta dùng phép nhân các số đại số thì thấy ngay.

-Càn  $\equiv$  3 vạch dương, tức là  $+x+x+x = +$ dương

-Khôn  $\equiv \equiv$  3 vạch âm, tức là  $-x-x-x = -$ âm

Dịch hệ từ Hạ truyện, viết : “Dương quái đa âm, âm quái đa dương” (quẻ dương có nhiều vạch âm, quẻ âm có nhiều vạch dương)

#### 2/- Phương vị của Trung Thiên Bát Quái :

Trung Thiên ứng với giai đoạn phát triển nhân sanh. Trung Thiên nói về ngũ hành và âm dương là hai yếu tố quan trọng trong sinh hóa muôn loài, tức là trung nữ (Ly) và trung nam (Khảm) làm chủ trong thời Tam Kỳ Phổ Độ nhằm lấy sức sống trẻ đang lên của Ly Khảm mà tạo thời cải thế.

Bởi lẽ, cha mẹ (Đại Từ Phụ, Đại Từ Mẫu) già rồi nên lui về Tây Nam và Tây Bắc (theo BQ Cao Đài) mà hướng dẫn 6 con nên Càn ở Tây Nam, Khôn ở Tây Bắc. Theo quái vị : 3 gái theo mẹ (Tốn, Ly, Khôn, Đoài) và 3 trai theo cha (Càn, Khảm, Cấn, Chấn). Đó là theo hệ từ Thượng truyện : “Đạo Càn làm nên con trai, đạo Khôn làm nên con gái” là vậy.

### III/- LÝ GIẢI QUẢ CÀN KHÔN :

#### 1/- Việc tạo Quả Càn Khôn :

Đức Chí Tôn dạy việc thờ Ngài như sau :

“Một quả Càn Khôn như trái đất tròn quay (biến dịch). Bề kinh tâm (đường kính) 3,3 mét, sơn màu xanh da trời. Cung Bắc Đẩu và tinh tú vẽ lên quả Càn Khôn. Thầy kể : Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, còn Thất Thập Nhị (72) Địa, Tam Thiên Thế Giới (3.000) đều là tinh tú (hành tinh). Tính lại 3072 ngôi sao, liệu vẽ trên đó cho đủ, trên sao Bắc Đẩu vẽ con Mắt Thầy. Đáng lẽ quả Càn Khôn phải bằng pha lê, đúc bên trong một ngọn đèn thường sáng. Ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả nhơn loại” (Đàn cơ đêm 17/06/1926).

Xem thế, quả Càn Khôn không chỉ là trái đất mà gồm cả Thiên Cầu. Các tinh tú nói trên xa gần khác nhau, nhưng trong đêm mất ta như ghi trên một hình cầu màu xanh to lớn (do hiệu quả của phép phối cảnh). Đó là Thiên Cầu, vì nước Việt Nam (gần xích đạo) nên thấy sao Bắc Đẩu nằm ngang trên đường chân trời (tức



ngang tâm mắt) chớ không phải Thiên Nhân vẽ trên địa xích đạo.

### 2/- Con số Càn Khôn nhiệm mầu sanh hóa :

Quả Càn Khôn đường kính là 3,3 mét. lý giải theo toán học thì biến hóa khôn lường. ẩn tàng triết lý sâu xa.

$3 - 3 = 0$  biểu tượng Hư vô (Trời Đất chưa phân)

$3 : 3 = 1$  biểu tượng Thái Cực (ngôi Đức Chí Tôn)

$3 \times 3 = 9$  biểu tượng Thái Dương (Mặt trời)

$3 + 3 = 6$  biểu tượng Thái Âm (Mặt trăng)

Chỉ có 2 con số 3 mà gom cả lý thuyết vũ trụ, nếu không là Đức Chí Tôn thì không ai có thể viết nổi !

### 3/- Đường lên Chân Tiên :

Trong bài "Ngọc Hoàng Kinh" có những câu :

-Thượng chưởng Tam thập lục thiên, Tam thiên thế giới

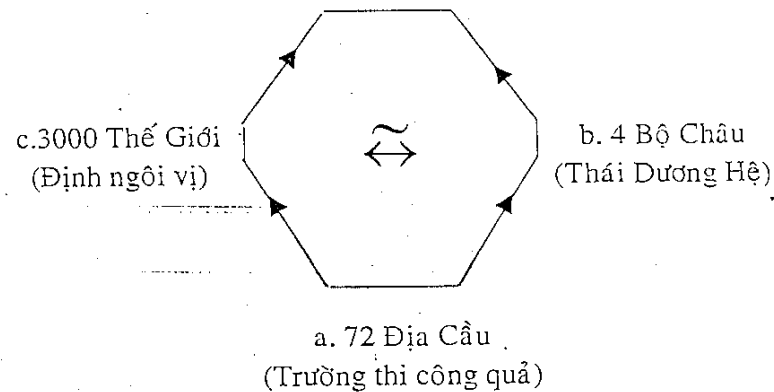
-Hạ ốc thất thập nhị địa, Tứ Đại Bộ Châu

Trong khi trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I, trang 45, thì Đức Chí Tôn dạy :

"Thầy kể Tam thập lục thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí..." gom lại lấy ý mà hiểu như vậy :

## BẠCH NGỌC KINH

d. 36 cõi Thiên Tào



### a/- Thất thập nhị địa :

72 quả cầu trong Thái Dương hệ Mặt trời, Địa cầu ta đang ở là số 68. Đức Chí Tôn dạy : "Bực Đế vương nơi Địa Cầu 68 chia bằng một người thường nói Địa cầu 67. Như vậy số địa cầu càng nhỏ càng thanh cao như Đức Lão Tử bảo : "Thiếu tắc đắc, đa tắc hoặc" là vậy. Do đó người ta phải tu bỏ bớt dục vọng để sang Bộ Châu khác thanh thoát hơn.

b/- Tứ Đại Bộ Châu hay Thái Dương hệ khác ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu, Nam Thiêm Bộ Châu và Bắc Cực Lưu Châu. Họ giỏi hơn ta. Họ tinh thông minh triết nên có thể vào Tam Thiên Thế giới hay lên Tam thập lục thiên mà tu thành chánh quả.

*c/- Tam thiên thế giới :*

Trong “Luật tam thế” Đức Cao Thượng Phẩm giảng dạy “Mấy em thử phân loại Tam Thiên Thế giới và Thất Thập Nhị Địa coi thử ? Bạch : Tam Thiên Thế giới là ở tầng trên bao phủ còn Thất Thập Nhị Địa ví như bàn cờ ở dưới. Đức Cao Thượng Phẩm viết : “Phải vậy đó. Tam Thiên Thế giới là ngôi vị, còn Thất Thập Nhị Địa là trường thi công quả”.

*d/- Tam thập lục thiên :*

Trong “Bài thuyết Đạo”, Đức Hộ Pháp nhắc lại lời dạy của Đức Chí Tôn “Thái Cực sanh Lưỡng nghi, tức Tam Thiên vị là Ba Ngôi Trời. Dưới 3 ngôi ấy có Tam Thập tam thiên (33 tầng trời), cộng với 3 ngôi trên là Tam thập lục thiên.

Dưới 36 tầng trời còn một tầng nữa là nhứt mạch đấng tinh vi gọi là Niết Bàn, chín tầng vừa là Cửu thiên khai hóa, tức là 9 phương Trời cộng với Niết Bàn là Thập Phương chư Phật”.

Tuy dạy tạo tác quả Càn Khôn mà thật ra là chỉ rõ con đường tu đi đến Chân Tiên.

*4/- Thời Bĩ vận cần tu tâm :*

Quẻ Càn chống lên quẻ Khôn thành quẻ Bĩ. ám chỉ thời Bĩ vận mặt pháp. Đức Chí Tôn phái Tam Thánh xuống trần ký đệ tam hòa ước giữa Trời và Người để cứu rỗi chúng sanh thoát cơn lâm than với Vũ Hịch (bút lông gà do Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn

viết) tuyên cáo tình trạng khẩn cấp cho nhân loại biết gặp khổ nạn nếu năng tu sẽ được đại ân xá.

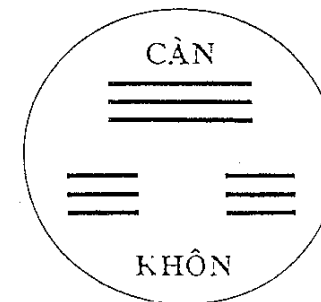
Ovide, thi sĩ người Hy Lạp (sanh năm 40 trước Công nguyên) nói về “Thời sắt thép” (l'Âge de Fer) như sau :

“Thời này tất cả mọi tội lỗi đều được phô bày ra ánh sáng, lòng ham mê chơn lý như lòng chí thành đều mất dạng. Thay vào đó là mưu mô, thủ đoạn, giả trá, bội phản, tàn bạo và tham lam...”







Người ta sống bằng cướp bóc, ít khi có sự hòa thuận giữa anh em ruột, con thì mong chờ cha chết, lòng hiếu thảo không còn, còn thần công lý bỏ hẳn trần gian đầy máu đổ”.

Trong Bhagavata Purāna viết : “Trong thời hắc ám (Kali), người đạo đức, kẻ có công cũng thua kẻ có tiền... Người ta tìm thú vui trong hôn nhân xác thịt chớ không nghĩ đến việc truyền giống, trong làm ăn thì toàn là gian lận mánh khoé”.

Bởi lẽ, quẻ Bĩ có âm khí chiếm phần nội quái (chủ), còn dương khí bị đẩy lui ra ngoại quái (khách)



## QUÊ BÌ

	Thượng Cửu	6	— —	Thượng Lục
	Cửu Ngũ	5	— —	Lục Ngũ
	Cửu Tứ	4	— —	Lục Tứ
	Cửu Tam	3	— —	Lục Tam
	Cửu Nhị	2	— —	Lục Nhị
	Sơ Cửu	1	— —	Sơ Lục

### THUẬN CÀN

### THUẬN KHÔN

Địa vị giá trị đều đổi thay ngôi vị. Bọn tiểu nhân mang bộ mặt giả làm quân tử (đạo đức giả). Khi Âm thay vai trò của Dương là thời kỳ mạt pháp, xáo trộn. Âm dương bất giao, nội ngoại ly cách đưa đến xã hội nhiễu nhương. Đó là thời kỳ sắt thép máu lửa, hắc ám, bĩ vận vậy.

#### 5/- Càn Khôn là Thái Cực :

Thái Cực là Càn Khôn (Dương âm), Càn Khôn là Thái Cực, Thái Cực là Chí Tôn, Chí Cực.

Hệ từ thượng, chương XII viết : “Càn Khôn là cái sâu kín của Đạo Dịch. Càn Khôn thành hàng mà Đạo Dịch lập nên ở trong. Càn Khôn bị phá thì còn gì để thấy Đạo Dịch. Dịch không thể thấy thì hầu như Càn Khôn không thể thi hành được”.

Điều này đã nói rõ trong hệ từ thượng, chương VI “Nhất âm nhất dương chi vị đạo” (một âm một dương gọi là Đạo).

“Càn Khôn là cửa của Đạo Dịch. Càn tiêu biểu vật thuộc dương, Khôn tiêu biểu vật thuộc âm. Âm Dương hợp với nhau mà cương nhu mới có thực thể, thể hiện công việc của trời đất và thông cảm cái đức của Thân Minh” (1).

Hệ từ thượng, chương XI viết thêm : “Đóng cửa gọi là Khôn, mở cửa gọi là Càn. Một lần đóng một lần mở gọi là biến”. Đây nói đến sự biến hóa của muôn vật do âm dương đùn đẩy lẫn nhau.

Biểu hiện ra nó gọi là tượng, hình thể nó gọi là đồ dùng, chế ra mà dùng nó gọi là pháp” (Chương XI chương XII nói rõ hơn :

“Hình nhi thượng giả vị chi đạo, hình nhi hạ giả vị chi khí” (Cái có trước khi có hình gọi là đạo, cái có từ khi có hình gọi là Khí)

Tất cả các Khí đó, Đức Lý Thái Bạch gom chung một chữ KHÍ ( 氣 ) gồm 1) chữ Khí ( 氣 ) là hơi vô hình, 2) chữ Khí ( 汽 ) hơi nước bán hữu hình, 3) chữ Khí ( 器 ) dụng cụ hữu hình. gọi là Tam tư nhất thể.

Tóm lại, Càn Khôn (dương âm) là hai tính chất của vũ trụ và vạn vật, trở thành một thể giới quan của

(1) Thần là Trời, Minh là trăng sao.

Đạo Cao Đài. Thế giới quan này đã thâm nhập vào học thuật, tư tưởng, văn hóa của loài người.

Bởi lẽ, Càn Khôn (dương âm) không dùng để chỉ rõ hiện tượng hay sự vật đặc thù nào, mà là Đạo rộng lớn phổ biến. Nói một cách khác Đạo Cao Đài đồng nghĩa với hình huỳnh đệ đại đồng.

#### 6/- Sự huyền diệu của Quả Càn Khôn :

Theo lời Ngài Trương Hiến Pháp : “Thế theo Thánh ý Đức Chí tôn, chư Chức sắc hiệp sức kiến tạo quả Càn Khôn đầu tiên đặt lên một trụ cột nơi Bát Quái Đài...

Về sau rui ro, quả Càn Khôn ấy phát hỏa (vận Bĩ) cháy tiêu hết, duy có Thiên Nhân thì còn lại y nguyên (Đó là thời kỳ Từ Lâm Tự). Hội thánh quyết định tạo một quả Càn Khôn khác, tất cả đều quyết định đặc Thiên Nhân cũ lên quả Càn Khôn mới.

Quả Càn Khôn sau vì thời gian cũng hư hoại. Hội Thánh kiến tạo một quả Càn Khôn khác nữa thay thế. Hội Thánh cũng đồng thanh dành lại Thiên Nhân cũ để đặt lên quả Càn Khôn mới ngày nay (tức nơi Đền Thánh).

Một sự linh thiêng ngoài sức tưởng tượng của mọi người. Sau khi hạ quả Càn Khôn cũ xuống, cả thế giới và trong Đạo đều chấn động. Trong Đạo xảy ra nhiều rối rắm, gây bất hòa giữa người Đạo với nhau. Đến nỗi, Đức Lý giáng cơ quở trách và ngưng việc cầu phong, cầu thăng.

Ngoài đời có nhiều thay đổi, như cuộc đảo chánh của Hội Đồng tướng lĩnh Việt Nam cộng hòa, vụ mưu sát Tổng thống Mỹ Kennedy (1961); Nhà Vua Thái Lan gặp nhiều khó khăn và nhiều biến chuyển khác trên toàn thế giới” (Hiến pháp HTĐ Trương Hữu Đức, trang 11,12)

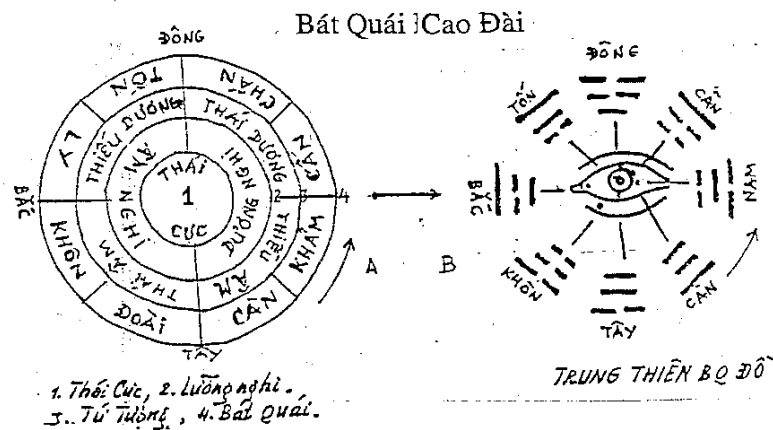
Cuộc biến chuyển này, Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã tiên tri trong bài thi sau :

Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,  
Cuộc đời biến chuyển rất cheo leo.  
Trời còn đất lở tang thương biến,  
Ruộng rẫy phổ tan lộ mốc meo.  
Sắc tướng thi ngâm tua giảm bớt,  
Con đường công quả khá làm theo.  
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,  
Chánh trị hưng suy đã thấy lèo.

Những kiến trúc phụ quả Càn khôn cũng mang nhiều sắc thái Dịch lý.

**TÁM QUẺ CỦA BÁT QUÁI CAO ĐÀI**  
(Theo thứ tự)

Số TT	Quẻ	Tên	Tượng	Thành phần	Hình thức
1	☰	CÀN	Trời	3 Dương	Càn ba liền (Càn tam liên)
2	☱	KHÂM	Nước	1 Dương 2 Âm	Khâm dây giữa (Khâm trung mấn)
3	☶	CẤN	Núi	1 Dương 2 Âm	Cấn chén úp (Cấn phúc uyển)
4	☱☱	CHẤN	Sấm	1 Dương 2 Âm	Chấn bát ngựa (Chấn ngưỡng vu)
5	☳	TỐN	Gió	2 Dương 1 Âm	Tốn đứt dưới (Tốn hạ đoạn)
6	☲	LY	Lửa	2 Dương 1 Âm	Ly rộng giữa (Ly trung hư)
7	☷	KHÔN	Đất	3 Âm	Khôn sáu đoạn (Khôn lục đoạn)
8	☵	ĐOÀI	Đầm	2 Dương 1 Âm	Đoài khuyết trên (Đoàn thượng khuyết)



**MƯỜI HAI QUẺ CỦA ĐẠO DỊCH**

Số TT	Tên	Quẻ	Ý nghĩa	Thành phần
1	THÁI	☰☷	Thông suốt	Địa Thiên Thái (Càn dưới, Khôn trên)
2	BỈ	☶☱	Bế tắc	Thiên Địa Bĩ (Càn trên, Khôn dưới)
3	ĐỒNG NHÂN	☲☱	Cùng người	Thiên Hỏa Đồng Nhân (Ly dưới, Càn trên)
4	ĐẠI HỮU	☲☱	Có nhiều	Hỏa Thiên Đại Hữu (Càn dưới, Ly trên)
5	NHU	☱☵	Đạo ăn uống	Thủy Thiên Nhu (Càn dưới, Khâm trên)
6	TỤNG	☱☵	Kiên cáo	Thiên Thủy Tụng (Khâm dưới, Càn trên)
7	SỬ	☷☳	Đông quần chúng	Địa Thủy Sư (Khâm dưới, Khôn

## CHƯƠNG II MƯỜI HAI QUẺ CỦA ĐẠO DỊCH

Bát Quái biến hóa vô cùng  
TNHT 2, tr.62  
Bát Quái là văn tự đầu tiên  
"Quốc học khái luận, Đài Bắc 1958"

				(liếp trên)
8	TY		Thân gần	Thủy Địa Ty (Khôn dưới, Khảm trên)
9	TẤN		Tiến dần	Hỏa Địa Tấn (Khôn dưới, Ly trên)
10	MINH DI		Tổn hại	Địa Hỏa Minh Di (Ly dưới, Khôn trên)
11	KÝ TẾ		Đã xong	Thủy Hỏa Ký Tế (Ly dưới, Khảm trên)
12	VỊ TẾ		Chưa xong	Hỏa Thủy Vị Tế (Khảm dưới, Ly trên)

### BÁT QUÁI BÓI QUẺ

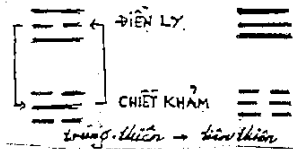
- |         |  |
|---------|--|
| 1. CÀN  | - Niên vận: cả năm tốt hay xấu.          |
| 2. KHẨM | - Công danh: thăng bổ sớm hay muộn.      |
| 3. CẤN  | - Tài lợi: tiền của dồi dào hay hao hụt. |
| 4. CHẤN | - Âm tin: muốn hỏi tin tức của một ai.   |
| 5. TÔN  | - Tranh tụng: kiện tụng được hay thua.   |
| 6. LY   | - Bình an: vận nhà bĩ hay thái.          |
| 7. KHÔN | - Hôn nhân: việc vợ chồng tốt hay xấu.   |
| 8. DOÀI | - Thương mại: buôn bán lỗ hay lãi.       |

Ngoài những lãnh vực văn hóa đã viết ở trước, Bát Quái và các trùng quái còn bàn về chính trị kinh tế, xã hội, bói toán...

Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn rủ xiêm y mà thiên trị đó là nhờ lấy tượng ở quẻ Càn, quẻ Khôn (Hoàng Đế, Nghiêu Thuấn thùy y thương nhi thiên hạ trị, cái thủ chư Càn khôn - Phan Kế Bính - (Nam Hải dị nhân liệt truyện)

Một phương diện khác nữa rất đặc biệt là Phục Hy "lấy Bát Quái tương trùng để bói xem kết hung họa phúc" (Di Bát Quái tương trùng vi cát hung họa phúc chi chiêm). Đó là chủ điểm của chương này.

Trong Bát Quái Trung thiên, bốn quẻ chính là Càn, Khôn, Ly, Khảm, ta trùng quái hoán vị trên dưới sinh ra 12 quẻ kép à : Thái, Bỉ, Ký Tế, Vị Tế, Đồng nhân, Đại hữu, Tụng, Nhu, Tấn, Minh Di, Sư, Ty. Khôn Càn là Thượng Nguơn Thánh Đức, còn Ly Khảm Hạ Nguơn mặt kiếp. Loài người phải tu luyện để chiết dương Khảm, điền vào âm Ly mới qui hồi cựu vị.



### 1. Khôn trên Càn dưới là quẻ THÁI : ☰☷

*Kinh Dịch viết* : Thái Tiểu vãng, đại lai, cát hanh (Quẻ Thái nhỏ đi, lớn lại, lành tốt hanh thông)

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Thái là hanh thông, là quẻ trời đất thông nhau, hai khí âm dương thông nhau, nên gọi là Thái, quẻ ứng vào tháng Giêng. Nhỏ là âm, lớn là Dương, tức Khôn đi ở ngoài, Càn đến ở trong. Hào sáu đi ở ngôi Tư, hào chín lại ở ngôi Ba. Người được quẻ này có đức cương dương tốt lành và hanh thông.

*Lời Thoán nói rằng* : quẻ Thái nhỏ đi lớn lại, tốt lành và hanh thông, trời đất giao nhau mà vạn vật hanh thông, trên dưới giao nhau mà chí giống nhau. Trong dương mà ngoài âm, trong mạnh mà ngoài thuận, trong quân tử mà ngoài tiểu nhân. Đạo quân tử lớn lên thì đạo tiểu nhân tiêu đi vậy.

*Lời Tượng nói rằng* : Trời Đất giao nhau là quẻ Thái, Vua coi theo mà sửnên Đạo của Trời Đất, giúp mọi sự phải để đỡ dân sanh chúng.

### 2. Càn trên Khôn dưới là quẻ BÌ : ☷☰

*Kinh Dịch viết* : Bì chi phi nhân. Bất lợi quân tử trính, đại vãng tiểu lai/của người quân tử, lớn đi, nhỏ lại). (Bì chẳng phải người. Chẳng lợi s/bên

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Bì là bé tác, tức là quẻ tháng bảy, trái với quẻ Thái. Cho nên nói là "Phi nhân", nghĩa là không phải đạo người. Lời chiêm đoán của nó không lợi về đường chánh đạo quân tử.

Bởi lẽ, Càn ở ngoài, Khôn ở trong, nó lại do quẻ Tiêm mà lại, nên hào thứ Chín ở vào ngôi Tư, hào Sáu ở vào ngôi Ba. Người ta nghi ngờ ba chữ "chi phi nhân" là thừa vì nó ở hào Sáu Ba của quẻ Ty (coi dưới) mà ra.

*Lời Thoán nói rằng* : Bì đó, chẳng phải đạo người, chẳng lợi cho sự chính bên của người quân tử, lớn đi, nhỏ lại thì trời đất không thông nhau nên vạn vật không thông, trên dưới không thông nhau nên thiên hạ không có nước. Trong âm mà ngoài dương, trong mềm mà ngoài cứng, trong bọn tiểu nhân mà ngoài người quân tử. Ấy là đạo tiểu nhân lớn lên nên đạo người quân tử tiêu đi.

*Lời Tượng nói rằng* : Trời Đất không thông nhau là quẻ Bì, người quân tử coi đó để dè chừng đức hạnh, lánh nạn, không thể vẽ vang bằng lợi lộc.

### 3. Càn trên Ly dưới là quẻ ĐỒNG NHÂN : ☰☲

*Kinh Dịch viết* : Đồng nhân vu dã, hanh lợi, thiệp đại xuyên, lợi quân tử trính (cùng người ở đồng, hanh thông, lợi về sự sang sông lớn, lợi cho sự chính bên của người quân tử).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Ly có vạch như âm mất ở giữa hai vạch dương, nên đức là văn minh, là mặt. tượng là lửa, là điện, là mặt trời. Đồng nhân là chung cùng với mọi người Ly gặp quẻ Càn, lửa lên cùng với trời.

Hào Sáu Hai được ngôi ở trên ứng với hào Sáu Năm. Trong quẻ chỉ có một hào âm mà cùng chung với các hào dương, nên gọi chung cùng với mọi người. Ý nói rộng xa mà không riêng tư chỉ có đạo hạnh, lấy đức mạnh mà đi, nên có thể sang sông. Đồng nhân là quẻ trong văn minh, ngoài cương kiện. Hào Sáu Hai trung chính mà có vẻ ứng, ấy là Đạo người quân tử. Người được quẻ này thì hanh thông có thể vượt qua nơi hiểm yếu. Còn người mà mình cùng chung phải hợp với đạo quân tử thì mới có lợi.

*Lời Thoán nói rằng* : Quẻ Đồng Nhân, mềm được ngôi, được chỗ giữa mà ứng với Càn nên gọi là đồng nhân.

#### 4. Càn dưới Ly trên là quẻ ĐẠI HỮU : ☰☲

*Kinh Dịch viết* : Đại hữu nguyên hanh (Quẻ Đại hữu cả lớn hanh thông).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Đại hữu là sự “có lớn”. Ly ở trên Càn tức lửa ở trên trời, không gì không soi rọi. Lại nữa, hào Sáu Năm là hào âm ở ngôi tôn, được chỗ giữa mà năm hào dương ứng theo nó, nên gọi là “có lớn”. Càn mạnh, Ly sáng, ở ngôi tôn mà ứng với trời nên có cơ hanh thông. Người được quẻ này có đức ấy thì rất tốt và hanh thông.

*Lời Thoán nói rằng* : Quẻ Đại hữu chỉ kẻ mềm được ngôi tôn cả giữa mà trên dưới ứng nhau gọi là

Đại hữu. Đức cứng mạnh mà vẫn vẻ sáng láng, ứng nhau với trời mà đi là đúng thời, nên cả lớn hanh thông.

*Lời Tượng nói rằng* : Lửa ở trên trời là quẻ Đại hữu. Người quân tử coi đó mà ngăn ngừa kẻ ác, biểu dương người thiện, thuận theo mệnh tốt của trời.

#### 5. Càn dưới Khảm trên là quẻ NHU : ☵☰

*Kinh Dịch viết* : Nhu hữu quang, hanh, trinh, cát, lợi thiệp đại xuyên (quẻ Nhu có đức tin sáng lạng hanh thông, chính bền tốt. Lợi sang sông lớn).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Nhu là đợi. Quẻ Càn mạnh, Khảm hiểm, sức mạnh gặp chỗ hiểm mà không vội vàng, tiến để mắc vào chỗ hiểm đó. Ấy là cái nghĩa chờ đợi.

Quẻ này hào Chín Năm là thể Khảm bên trong đã đầy, lại có nhiều tính dương cương trung chính mà ở ngôi Tôn, tức cái tượng “có đức tin được ngôi chính”. Khảm là nước ở phía trước, Càn là mạnh kế tới sau, ấy là cái tượng “sắp sang sông lớn mà chưa tiến lên một cách khinh thường”.

Thế nên, người được quẻ này, nếu có điều chờ đợi mà tự mình sẵn đức tin thì sẽ sáng lạng hanh thông, nếu được chính bền thì tốt và lợi về việc sang sông lớn. Chính bền thì không có gì là không tốt, mà sự sang sông càng quý ở chỗ chờ đợi. Ấy là, không vì lòng ham muốn mau chóng mà phạm vào chỗ hiểm nạn.



*Lời Thoán nói rằng* : Nhu tức là đợi, chỗ hiểm ở trước vậy. Cứng mạnh mà không bị hãm, nghĩa là không thể khốn cùng.

6. Càn trên Khảm dưới là quẻ TUNG : ☵☶

*Kinh Dịch viết* : Tung hữu phu chất dịch, trung cát, chung hung, lợi kiến đại nhân, bất lợi thiệp đại xuyên (Kiện tung có thật bị lấp, phải sợ, vừa phải : tốt; theo đuổi đến chót : xấu; lợi về sự thấy người lớn, không lợi về sự sang sông lớn)

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Kiện tung là tranh biện. Trên Càn dưới Khảm, Càn thì cứng, Khảm thì mềm. Người trên dùng điều cứng để chế kẻ dưới, kẻ dưới dùng sự hiểm để dòm người trên.

Quẻ này, hào Chín Hai giữa đặc mà không có kẻ ứng cùng mình nên thêm lo. Vả lại, theo quái biến, nó từ quẻ Độn mà hại, tức kẻ cứng đến ở hào Hai mà nhắm vào giữa thể dưới, có sự thật bị lấp che, biết sợ mà hợp với lẽ vừa phải. Hào chín trên quá cứng ở cuối sự kiện, có tượng theo đuổi việc đến cùng. Hào Chín Năm cứng mạnh, trung chính ở giữa ngôi tôn, có tượng người lớn, lấy tư cách dương cương cỡi lên chỗ hiểm, ấy là sự đầy đặc xéo vào chỗ hãm, có tượng không lợi về sự sang sông lớn. Thế nên, người được quẻ này chắc có sự tranh tụng và tùy theo thể của mình ăn ở mà biến thành lành hay dữ.

*Lời Thoán nói rằng* : Quẻ Tung trên cứng dưới hiểm, hiểm mà mạnh là quẻ Tung.

*Lời Tượng nói rằng* : Trời với nước đi trái nhau là quẻ Tung, người quân tử coi đó mà dấy việc mưu tính lúc đầu.

7. Khôn trên Khảm dưới là quẻ SƯ : ☶☵

*Kinh Dịch viết* : Sư trình tượng nhân cát, vô cữu. (Quân chinh, bậc trượng nhân tốt, không lỗi).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Sư là quần chúng, dưới Khảm trên Khôn. Khảm hiểm mà Khôn thuận. Khảm là nước, Khôn là đất, thời xưa ngụ hình ở nông, che cái rất hiểm ở chỗ lớn thuận, dấu cái không lường trong chỗ rất tĩnh.

Trong quẻ, chỉ hào Chín Hai là hào dương ở giữa quẻ dưới là tượng làm tướng. Trên dưới năm hào âm đều phải thuận mà theo, là tượng làm quân binh. Hào Chín Hai lấy tư cách dương cương ở dưới làm việc. Hào Sáu Năm là hạng mềm yếu ở trên mà dùng người, tức cái tượng vua sai tướng ra quân, nên quẻ này gọi là sư. Cái đạo dùng quân, lợi về đường chính đáng, nên dùng người lão thành mới tốt mà không có lỗi. Đó là lời răn người được quẻ này.

*Lời Thoán nói rằng* : Sư là nhiều người, trình là chính, khiến được nhiều người chính đính, thì có thể làm nên nghiệp vương bá.

*Lời Tượng nói rằng* : Trong đất có nước là quẻ Sư. Người quân tử xem đó mà dung dân, nuôi chúng.

8. Khôn dưới Khâm trên là quẻ TỊ : ☵☶

*Kinh Dịch viết* : Tị cát nguyên phê, nguyên vinh, trinh, vô cữu. Bất minh phương lai, hậu phu hung (Liên nhau tốt, trung nguyên việc bói, khởi đầu lớn, lâu dài, chính bền, không lỗi. Chẳng an mới lại, sau trở tượng phu, hung).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Tị là gần nhau liên nhau. Hào Chín Năm lấy dương cương ở giữa quẻ trên mà được chỗ chính. Năm hào âm ở trên và dưới đều gần lại mà cái tượng một người vỗ về muôn nước, bốn bề trông lên một người.

Người được quẻ này sẽ được người thân theo bám mình. Nếu có đức cả lành, dài lâu, chính bền thì mới để cho người khác theo về mà không có lỗi. Còn người chưa gần có điều không ổn mà sắp sửa theo về thì người này giao kết chặt chẽ, còn kẻ kia đi lại đã muộn khiến có sự hung. Những ai muốn gần với người thì nên lấy đó mà tính ngược lại.

*Lời Thoán nói rằng* : Ty là tốt, tị là giáp lại. Người dưới thuận theo, truy nguyên việc bói, đầu cả, lâu dài, chính bền, không lỗi, vì cứng ở giữa, không an mới lại, trên dưới ứng nhau, sau tượng phu, hung vì đạo cùng.

*Lời Tượng nói rằng* : Trên đất có nước là quẻ Tị. Đấng Tiên Vương coi đó mà dựng nước, thân cận chư hầu.

9. Khôn dưới Ly trên là quẻ TẤN : ☷☲

*Kinh Dịch viết* : Tấn, Khang hầu dụng tích mã phần tứ, trú nhật tam tiếp (quẻ tấn, tước hầu yên dùng cho ngựa giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp)

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Tấn là tiến lên, tước hầu yên là tước làm an được nước. Ngựa cho giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp nối, nghĩa là chịu nhiều ơn lớn, được thân mật kính lễ một cách rõ ràng.

Quẻ này trên Ly dưới Khôn, có tượng mặt trời mọc trên đất. Bốn hào xuôi thuận bám vào nơi cả sáng sủa, do từ quẻ Quan biến lại, thành hào Sáu Bốn mềm yếu mà tiến lên cho tới hào Năm.

Người được quẻ này có ba điều ấy thì cũng có sự yên ấy.

*Lời Thoán nói rằng* : Tấn là tiến. Sáng soi trên đất mà bám vào nơi sáng lớn, mềm tiến mà đi lên. Cho nên, tước hầu yên dùng cho ngựa giậm nhiều, ban ngày ba lần tiếp nối.

*Lời tượng nói rằng* : Lửa ở trên đất là quẻ Tấn, người quân tử coi đó mà tự hành động cho rõ đức sáng của mình.

10. Khôn trên Ly dưới là quẻ MINH DI : ☷☲

*Kinh Dịch viết* : Minh di lợi gian trinh (Quẻ Minh đi lợi về khó nhọc trinh chính)

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Di là đau. Quẻ này Ly dưới, Khôn trên, mặt trời vào trong đất, tức cái tượng sáng mà bị đau, nên gọi là Minh di.

Sáu hào trên quẻ này chủ sự tối mà hào Sáu Năm ở gần nó. Vì vậy, người được quẻ này, lợi về điều khó nhọc để giữ sự chính mà tự che sự sáng của mình.

*Lời Thoán nói rằng* : Sáng chiếu vào trong đất là quẻ Minh di.

*Lời Tượng nói rằng* : Sáng vào trong đất. Người quân tử coi đó để trị dân chúng, dùng tối mà được sáng.

11. Khảm trên Ly dưới là quẻ KÝ TẾ : ☵☲

*Kinh Dịch viết* : Ký tế hanh, tiểu lợi trinh sơ cát, chung loạn (quẻ Ký tế hanh, thông, nhờ lợi về chính bên, đầu tốt, chót loạn).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Đã xong thì việc đã nên. Ký tên là quẻ nước lửa giao nhau, thứ nào đều dùng thứ nấy. Ngôi sáu hào đều được chính đính nên “đã sang”. Chữ “banh nhỏ” bên đối thành “nhỏ hanh”.

Quẻ này, lời chiêm đoán của sáu hào đều có ý răn đe. làm được thì nên.

*Lời Thoán nói rằng* : Quẻ Ký tế hanh tức cái nhỏ hanh thông.

*Lời Tượng nói rằng* : Nước ở trên lửa là quẻ Ký tế. Người quân tử coi đó để suy nghĩ lo lắng mà ngăn ngừa.

12. Ly trên Khảm dưới là quẻ VỊ TẾ : ☲☵

*Kinh Dịch viết* : Vị tế hanh, tiểu hồ hất tế, nhu kỹ vĩ, vô du lợi (quẻ vị tế hanh, con cáo nhỏ hầu sang, ướm đuôi, không lợi).

*Chu Dịch bản nghĩa giải* : Quẻ vị tế nói lúc việc chưa thành. Nước lửa chẳng giao nhau, chẳng hỗ tương nhau. Sáu hào trong quẻ đều mất ngôi, nên “chưa xong”, hầu sang (sắp xong) mà ướm đuôi là chưa xong.

Người được quẻ này không có lợi gì.

*Lời Thoán nói rằng* : Quẻ Vị tế hanh, mềm được ở giữa. Cáo nhỏ hầu sang, ướm đuôi không lợi, mà chẳng nổi chót được. Tuy chẳng đăng ngôi nhưng cũng mềm ứng với nhau.

*Lời tượng nói rằng* : Lửa ở trên nước, là quẻ Vị tế. Người quân tử coi đó mà cẩn thận và phân biệt các sự vật.

• Mười hai quẻ chia làm ba bậc : thượng, trung, hạ. Thượng gồm có 5 quẻ : Thái, Đồng nhân, Đại hữu, Tấn và Ký tế. Trung cũng gồm có 5 quẻ : Nhu, Tụng, Sư, Tị, Minh di. Hạ gồm có 2 quẻ : Bĩ và Vị tế.

Ai được quẻ thượng thì thành thời, quẻ trung thì cẩn thận và quẻ hạ phải e dè chỗ hiểm.

Lời giải văn tự cổ xưa, sâu kín cần đọc đi đọc lại để hiểu ý nghĩa uyên thâm trong đó. Muốn cầu được quẻ, ta dùng tràng hạt Dịch lý để chiêm đoán (xem mục 14 ở sau), bấm đúng số nào thì chọn số đó làm quẻ rồi đọc lời giải quẻ mà tìm ra tốt xấu, thuận nghịch.

13. Thời kỳ mat kiếp sanh tương tâng (từ hai  
quẻ Bĩ và Tung):

Vào đêm rằm tháng 8 năm Ất Sửu (1925), ở Phú Quốc, Đức Quan Thánh và Lý Bạch giáng cơ tiên tri về thời cuộc từ 1925 về sau :

“QUAN mà hiểu rộng LÝ cao quyền,  
THÁNH Phật phân rành THÁI độ duyên.  
ĐỂ sắc nêu cao nguồn BẠCH tự,  
GIÁNG lâm đàn nội, GIÁNG qui nguyên.

“Lão vâng lệnh Tam Giáo tòa lâm đàn để đôi lời  
tiên tri, lễ tuần hoàn chuyển đổi...”

“Chúng sanh khá nhớ : “Cao vi càn, càn vi Thiên.  
Đài Khảm, Khảm vi thủy tức là quẻ Thiên thủy tung,  
thì chạy đâu cho khỏi số trời định binh lửa bốn phương.  
Những kẻ không tu đành cam số phận...”

“Năm Ất Sửu (1925) để lời Lão phán,  
Qua Bính Dần (1926) dựng rạng cơ mâu,  
Lập thành nguồn đạo Á châu  
Đắp xây nền móng sùng Âu đời đời.  
Nên thấy rõ đạo Trời chánh giáo,  
Cảnh Tây Ninh đào tạo Thánh Tòa.  
Lập thành cơ đạo chia ba,  
Tiền, trung với hậu cũng là đồng môn.  
Năm cơ quan bảo tồn sanh chúng,  
Dựng lên rồi chia trứng mười hai.  
Trên đường thiên lý dặm dài,  
Lập thành Đại Đạo Cao Đài độ dân.

Năm Mậu Dần sắp gần binh cách,  
Ấy là điều tai ách nhưn sanh.  
Bốn năm dân chủ tung hoành,  
Tây Ninh thừa thế lập thành cơ binh.  
Để bảo hộ chúng sinh bốn đạo,  
Dân Xã lo đào tạo quan quân.  
Quốc gia nổi dậy từng bừng.  
Tân Dân thành lập lấy lừng quốc dân.  
Nền độc lập lần lần ra mặt.  
Vĩnh Thụy lâm tướng thật thi hành,  
Đến ngày hội cả nhưn sanh.  
Kỳ ba súng nổ lập thành quốc gia,  
Để phát động sơn hà thống nhất.  
Hiệp Tam Giang nỗ lực tấn công,  
Bảo Sanh Nhưn nghĩa Đại Đồng.  
Hòa bình thế giới ở trong đạo Trời.  
Chớ lâm tướng quyền đời sức mạnh.  
Để lướt qua luật chánh thiêng liêng,  
Hậu sau ra đứng trước tiên,  
Do Tòa Tam Giáo lệnh truyền thường

răn.

Đức Di Lạc cầm cân cứu thế,  
Hội Long Hoa tên để phong Thân.  
Thượng nguồn đời lập Tân Dân.  
Dựng nền dân quốc, xa lẫn chủ quân.  
Quê hương hiện cảnh xuân thơ thới.  
Đạo nhà Nam vạn đại lưu truyền.

Gia vô bố hộ êm đêm.  
Phật, Tiên, Thánh. Thân giáng miền trần  
gian.

Đạo gom trọn nhơn gian vũ trụ,  
Gieo giống lành làm chủ năm châu.  
Từ đây khắp cả hoàn cầu,  
Âu ca lạc nghiệp dưới bầu trời chung.

\*Bài tứ tuyệt trên hiện rõ sự mâu nhiệm của cơ bút. Nếu đọc khoán thủ ta thấy : Quan Thánh Đế Quân giáng, khoán tâm ta lại thấy : Lý Thái Bạch giáng và sau 2 chữ Thánh Đế ta thấy 2 chữ: Phật Sắc tức Phật Bà Quan Âm. Bài này tiên tri Tam Trấn thay mặt Tam giáo dạy Đạo kỳ ba.

\*Bài song thất lục bát tiên tri, Đạo Cao Đài lập trước nhất ở Tiền Giang rồi Hậu Giang và sẽ phân chia 12 chi phái. Đạo lập quân đội và Hòa Hảo lập Dân xã Đảng. Sau đó, Bảo Đại bị Ngô Đình Diệm lừa gạt truất phế. Trải qua ba cuộc đảo chánh mới lật đổ được Ngô triều.

Đến cuối thế kỷ này “phần tiên vi hậu”, Đức Di Lạc Vương Phật ra đời lập Hội Long Hoa để tuyển ngôi vị Phật, dựng đời Thượng Ngươn Thánh Đức, Đức Di Lạc là bậc Minh Vương hiền triết thông kim đạt cổ tạo cảnh thái bình “gia vô bố hộ”.

Lúc đó, đạo nắm trọn huyền vi vũ trụ và... “Đất đây, trời thay xác, chư Phật, Tiên, Thánh xuống ở

trần”. Nhân loại lạc nghiệp âu ca, chung bầu trời : “Đại Đồng thế giới”.

Đây là bài thi độc nhất vô nhị do Tam Trấn giáng chung Đức Lý Thái Bạch và Quan Thánh chủ động ban ý tưởng còn Phật Quan Âm chứng lễ đàn.

#### 14. Luật lưỡng phân, lưỡng hợp (từ 2 quả Kỳ tế, Vi tế) Thánh

a/- Phân giải lưỡng nghi : theo giáo, nhân sinh vạn vật đều có một thái cực. Thái cực phân ra lưỡng nghi là âm dương.

Âm Dương là hai yếu tố tương phản nhau như nam và nữ, sáng và tối, ngày và đêm... Nhờ sự tương phản mà âm dương đùn đẩy biến hóa vô cùng.

Tuy bản chất đối nghịch nhau, trong cái này lại có cái kia như trong dương thịnh (Thái Dương) thì có chút âm (Thiếu âm) và ngược lại.

Thật ra cả hai yếu tố âm dương luôn luôn hòa lẫn nhau và đóng vai trò quan trọng trong sự sinh thành của vạn vật. Âm trưởng thì dương tiêu, dương trưởng thì âm tiêu. Âm tăng lên đến chỗ cực thịnh thì dương sẽ phát sinh và âm sẽ phải thoái dần, và ngược lại. Đó luật lưỡng phân, lưỡng hợp.

b/- Tràng hạt Dịch lý hay chuỗi tự pháp :

Đức Thanh Sơn Đạo sĩ, tổ sư Dịch lý của Đạo Cao Đài dạy làm chuỗi tràng hạt Dịch lý, có 64 hạt phân làm hai. Một đoạn 62 hạt (6+2=8) biểu tượng Bát

Quái. Đoạn kế 2 hột biểu tượng Lương Nghi (âm dương) đồng thời chỉ quẻ Ký tế số 63 và Vị tế số 64.

Khi dương trưởng thì 2 hột âm dương ngang vai trái và khi âm trưởng thì mang 2 hột âm dương ngang vai phải, vào giờ câu nguyên hay tiếp diễn hay tĩnh luyện. ( Xem Trường Dưỡng Tinh Khí Thần)

Trong trời đất, khí dương tăng trưởng từ giờ Tý đến giờ Ty vào tháng 11 đến tháng 4 âm lịch, từ tiết Đông Chí đến tiết Lập Hạ. Một dương sanh từ quẻ Phục rồi cực thịnh ở quẻ Càn. Còn khí âm tăng trưởng từ giờ Ngọ đến giờ Hợi vào tháng 5 đến tháng 10 âm lịch, từ tiết Hạ Chí đến tiết Lập Đông. Một âm sanh từ quẻ Cấn rồi cực thịnh ở quẻ Khôn có 6 âm.

Muốn như ý nguyện, người tu phải dựa vào các mốc thời gian đó. Trong ngày phải thiết lễ vào thời Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu. Trong năm vào các tiết Đông Chí, Hạ Chí, Xuân Phân và Thu Phân.

Vào thời Tý và Đông Chí có một dương sanh nên tấn dương hỏa. Vào thời Ngọ và Hạ Chí có một âm sanh nên thối âm phù. Còn thời Mẹo, Dậu, Xuân phân, Thu phân thì mộc dục để bảo dưỡng khí dương.

Dưới đây là 2 biểu đồ âm tiêu dương trưởng và dương tiêu âm trưởng.

\*Âm tiêu dương trưởng :

Giờ	Tý	Sửu	Dần	Mẹo	Thìn	Ty
Tháng	11	12	01	02	03	04
Tiết	Đông Chí	Đại Hàn	Vũ Thủy	Xuân Phân	Cốc Vũ	Lập Hạ
Quẻ	Phục 	Lâm 	Thái 	Đại tráng 	Quái 	Càn 

\*Dương tiêu âm trưởng :

Giờ	Ngọ	Mùi	Thân	Dậu	Tuất	Hợi
Tháng	5	6	7	8	9	10
Tiết	Hạ Chí	Đại Thử	Xử Thử	Thu Phân	Sương Giáng	Lập Đông
Quẻ	Cấn 	Độn 	Bĩ 	Quán 	Bác 	Khôn 

Muốn hỏi việc ở cõi vô hình thì tùy thuộc vào sự di động của hai hạt âm dương, chỉ có người trong cuộc mới thông linh được.

Trong Kinh Dịch quẻ chốt tức quẻ thứ sáu mươi bốn là quẻ Hỏa Thủy, Vị tế nghĩa là chưa xong. Theo Bát Quái Cao Đài, Hỏa Thủy Vị tế là quẻ Càn chồng

lên quẻ Khôn và quẻ Ly chồng lên quẻ Khảm biểu tượng của sự chưa xong. Vì theo Bà Bát Nương dạy con người phải tu luyện để biến hóa từ Kim Thạch, thảo mộc, cầm thú rồi mới thành người.

Khi đã thành người chỉ là tam xong còn phải tu sửa để thành Thần, Thánh, Tiên, Phật mới gọi là Thủy Hỏa Ký tế. Lúc đó Càn Khôn (Bĩ) trở thành Khôn – Càn (Thái) và Ly – Khảm biến thành Khảm Ly mà người ta gọi là Chiết Khảm điền Ly (lấy quẻ dương của Khảm điền vào chỗ quẻ âm của Ly để thành quẻ Càn) biểu tượng cho sự thanh khiết đạt thành chánh quả.

Người tín hữu Cao Đài trước là tu thân sửa mình tặc bỏ cái âm, những điều xấu ác để trở thành thuần dương thánh thiện. Nếu mọi tín hữu đều tu luyện theo tôn chỉ của Đại Đạo là góp phần to lớn chuyển đổi vận Bĩ của thế giới thành vận Thái, đã thực hiện xong lời nguyện thứ tư cũng là lời nguyện to lớn nhất của Đạo Cao Đài.

*Tứ nguyện thiên hạ thái bình.*

Vía Đức Chí Tôn lần thứ 48  
TVR